`TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2023/DS-ST
Ngày: 31-01-2023
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa A tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

***- Thư ký A tòa*:** Bà Đoàn Thị X - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện V Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia A tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn A tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1947; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt)

Bị đơn:Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944; địa chỉ: Xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1951; địa chỉ: Xóm 4, thôn Phú Văn Nam, xã B, huyện Hải Hậu, tinh Nam Định; (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1954; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

- Bà Lê Thị X (Nguyễn Thị Y), sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 15, Xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (theo các văn bản ủy quyền ngày 17/11/2021 của bà X, bà Tin; ngày 07/01/2020 của bà K, bà C và ngày 02/11/2022 của anh E). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-6-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Quang V trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Vụ và cụ Nguyễn Thị Hợi (tên khác Nguyễn Thị Vụ) kết hôn với nhau sinh được 8 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn Thư, ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị X (tên khác Nguyễn Thị Phiến) và bà Nguyễn Thị C, ngoài ra hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông Nguyễn Văn Thư đã chết năm 1997 có một người con trai là Nguyễn Văn E. Ông Nguyễn Văn A đã bỏ nhà đi từ năm 1979 khi đó chưa xây dựng gia đình, từ đó đến nay ông A không về nhà, không liên lạc với ai, các anh chị em trong gia đình không ai biết hiện nay ông A đang ở đâu. Nơi cư trú cuối cùng của ông A trước khi bỏ đi là xóm 7, xã Hải P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nhưng các anh chị em đến nay không ai yêu cầu Tòa án tuyên bố ông A mất tích hoặc đã chết, mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị X tên thường gọi trước đây là Nguyễn Thị Phiến nhưng từ khi bà Phiến đi xây dựng gia đình thì đã đổi họ tên là Lê Thị X. Cụ Vụ chết năm 2005, cụ Hợi chết năm 2006, trước khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Cụ Vụ, cụ Hợi có một khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P, diện tích 1.445 m^2 (ONT 190m^2, CLN 895m^2, NTS 360m^2); một nhà cấp bốn 5 gian trên thửa đất số 71, hiện nhà cấp bốn đã sập đổ không còn giá trị sử dụng; hai thửa ruộng nông nghiệp: Thửa số 2/2, tờ bản đồ số 17, diện tích 654 m^2 và thửa số 7/5, tờ bản đồ số 16, diện tích 76m^2, các thửa đất trên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ ngày 25-12-1996. Đối với hai thửa ruộng nông nghiệp, sau dồn điền đổi thửa được cấp đổi ruộng mới là thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17, diện tích 625m^2 và thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11, diện tích 78m^2 đều tại xã Hải P nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ Vụ, cụ Hợi qua đời thì toàn bộ đất

thổ cư và đất ruộng do ông M sử dụng, trồng cấy. Đến năm 2020, các anh chị em trong gia đình có họp bàn về tài sản đất đai mà bố mẹ để lại, nguyện vọng của các anh chị em trong gia đình muốn chia đều khối tài sản của cụ Vụ, cụ Hợi cho các anh chị em. Tuy nhiên, ông M đã đưa ra một bản di chúc của cụ Vụ ghi năm 2005 với nội dung tặng cho ông M một nửa thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16, còn lại một nửa thổ phía Tây cho ông V. Nhưng ông V không biết bản di chúc này cụ Vụ lập khi nào mà đến năm 2020 ông M mới công khai cho các anh chị em trong gia đình biết. Ông M còn nói với các anh chị em là năm 2006 ông đã sang tên sổ đỏ đối với một nửa thổ đất phía Đông tên ông M theo đúng di chúc mà cụ Vụ đã để lại. Khi biết sự việc trên, ông V đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Hải P giải quyết hòa giải tranh chấp đất đai của gia đình nhưng ông M không hợp tác, không nhất trí chia thừa kế tài sản của bố mẹ. Ngày 25-4-2022 Cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16 xã Hải P, diện tích 722m^2 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M (tách từ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16 của hộ cụ Vụ) do cấp không hợp pháp. Do đó, đến nay thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ vẫn còn tổng diện tích 1.445 m^2.

Nay ông V không công nhận di chúc cụ Vụ để lại do ông M nộp cho Tòa án, đề nghị chia di sản của cụ Vụ, cụ Hợi để lại theo quy định pháp luật gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P, diện tích 1.445 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-12-1996 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ; quyền sử dụng hai thửa ruộng nông nghiệp: thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17, diện tích 625 m^2 và thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11, diện tích 78m^2 sau dồn điền đổi thửa chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với đất thổ cư về kỷ phần thừa kế được chia ông V xin nhận bằng hiện vật và xin được chia đất vị trí phía Tây thổ. Về kỷ phần thừa kế của ông A đối với đất thổ cư thì đề nghị giao cho ông M quản lý, sử dụng cùng về phía Đông thổ giáp phần đất chia ông M. Ông V nhất trí để lối đi chung rộng 3m về phía Nam trừ vào phần đất ông V được chia để làm lối đi chung.

Đối với đất ruộng nông nghiệp: Kỷ phần của ông V được hưởng thì xin tặng cho anh Nguyễn Văn D là con trai bà Tin. Đối với kỷ phần thừa kế của ông A được hưởng về đất ruộng thì đề nghị giao cho anh D sử dụng, anh D thanh toán giá trị cho ông A và giao cho ông V quản lý giá trị kỷ phần đất ruộng cho ông A.

Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M đồng ý với phần trình bày trên của ông V về mối quan hệ huyết thống gia đình và nguồn gốc di sản các cụ để lại, thời điểm cụ Vụ, cụ Hợi chết như ông V trình bày là đúng. Ông A không có mặt tại địa phương từ năm 1979 đến nay chưa trở về nhưng ông M không yêu cầu Tòa án tuyên bố ông A mất tích hoặc đã

chết. Theo ông M năm 2005, cụ Vụ, cụ Hợi lúc đó đã già yếu, con cái không ai quan tâm, chăm sóc, chỉ có ông M thường xuyên gần gũi đến chăm sóc bố mẹ nên cụ Vụ có nguyện vọng cho ông M toàn bộ thửa đất thổ cư của hai cụ nhưng ông M nghĩ nhà có hai anh em trai nên bảo cụ Vụ để cho ông V và ông M mỗi người một nửa thổ để tránh anh em mâu thuẫn nhau sau này. Cụ Vụ nhất trí và lập di chúc ngày 27-3-2005 với nội dung thửa đất thổ cư cụ cho ông M một nửa thổ đất phía Đông, cho ông V một nửa thổ đất phía Tây. Đến tháng 8/2005 thì cụ Vụ mất, cụ Hợi đến tháng 4/2006 mất. Sau khi hai cụ mất thì ông M có sao bản di chúc của cụ Vụ để lại thành 3 bản sao nữa, nộp cho xã Hải P 2 bản sao để xin tách thửa cấp sổ đỏ, chuyển cho ông V một bản sao và ông M giữ bản Ch. Sau đó, ông M có hỏi địa Ch xã thì họ bảo đã cấp được sổ đỏ cho hộ ông M đối với một nửa thổ đất phía Đông của cụ Vụ rồi nhưng để họ giữ sổ đỏ cho thì ông M biết vậy nên không lấy sổ đỏ về. Nhưng đến nay sổ đỏ cấp cho hộ ông M đối với một nửa thổ đất phía Đông của cụ Vụ không hợp pháp, không được công nhận nên ông M cũng không ý kiến gì.

Đến nay ông V khởi kiện chia di sản thừa kế tài sản của cụ Vụ, cụ Hợi để lại gồm: thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.445m^2 và hai thửa ruộng nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa tại xã Hải P, ông M cũng nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với đất thổ cư: Đề nghị chia cho ông M và ông A vị trí phía Đông thổ, giao kỷ phần của ông A cho ông M quản lý, sử dụng, ông M có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho ông A. Đối với ruộng nông nghiệp: Do hiện nay cụ Vụ, cụ Hợi có 2 thửa ruộng nông nghiệp nhưng anh D được hưởng 6 kỷ phần thừa kế của các ông bà còn lại tặng cho nên đề nghị Tòa chia cho ông M được quyền sử dụng thửa số 58/3 diện tích 78m^2 vì thửa này sát cạnh thửa ruộng của vợ chồng ông M ngoài đồng, còn lại chia cho các đồng thừa kế khác vị trí thửa ruộng số 2/1 diện tích 625m^2 , ông không yêu cầu anh D phải thanh toán chênh lệch phần đất ruộng cho ông.

Đối với các cây cối và các tài sản khác của ông M hiện có trên đất thổ cư và thửa ruộng số 2/1 thì ông M có trách nhiệm chuyển đi để bàn giao mặt bằng cho anh D sử dụng.

Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Tin, bà Nguyễn Thị K, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn D và đại diện theo ủy quyền của bà Tin, K, X, C, E, trình bày thống nhất với ý kiến của ông V ở trên.

Đối với đất thổ cư: Kỷ phần của bà Tin, bà K, bà X, bà C và anh E thì đề nghị tặng cho ông V bằng hiện vật. Đối với đất ruộng nông nghiệp: Kỷ phần của bà Tin, bà K, bà X, bà C, anh E và ông V thì đề nghị tặng cho anh D bằng hiện vật. Các đồng thừa kế của cụ Vụ, cụ Hợi đều nhất trí giao kỷ phần thừa kế của ông A đối với đất ruộng nông nghiệp cho anh D sử dụng, anh D có trách nhiệm thanh toán giá trị cho ông A nhưng tạm giao cho ông V quản lý giá trị kỷ phần đất ruộng

cho ông A nên anh D cũng nhất trí. Anh D đề nghị được nhận 6 kỷ phần tặng cho và kỷ phần của ông A bằng hiện vật và xin được chia sử dụng toàn bộ thửa đất ruộng số 2/1 diện tích 625m^2 của hộ cụ Vụ. Anh D và ông M đã thỏa thuận thống nhất về công vượt lập đất ruộng nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về công vượt lập. Đối với các cây cối và các tài sản khác của ông M hiện có trên đất thổ cư và thửa ruộng số 2/1 thì ông M có trách nhiệm chuyển đi để bàn giao mặt bằng cho anh D sử dụng.

Tại A tòa, ông V, ông M, anh D giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Ông M không yêu cầu anh D thanh toán giá trị chênh lệch đất ruộng nông nghiệp. Về công vượt lập đất ruộng: Anh D đã thanh toán cho ông M nhận 15.000.000đ tại A tòa nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về công vượt lập.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu ý kiến:

- Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V, xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Vụ, Nguyễn Thị Hợi để lại là: quyền sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P, diện tích 1.445 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-12-1996 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ; quyền sử dụng hai thửa ruộng nông nghiệp: thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17, diện tích 625 m^2 và thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11, diện tích 78m^2 đều thuộc xã Hải P sau dồn điền đổi thửa chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chia di sản thừa kế của cụ Vụ, cụ Hợi để lại thành 8 kỷ phần cho 8 đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Tin, ông Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn Thư, ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị X và bà Nguyễn Thị C. Ông Thư chết năm 1997, chết trước cụ Vụ, cụ Hợi nên con của ông Thư là anh Nguyễn Văn E được hưởng thừa kế thế vị của ông Thư. Đối với ông Nguyễn Văn A các đương sự trình bày thống nhất biệt tích khỏi địa phương, đến nay không có tin tức địa chỉ gì, không có đương sự nào yêu cầu tuyên bố ông A mất tích hay đã chết nên phần di sản thừa kế của ông A được hưởng tạm giao cho đồng thừa kế khác quản lý theo quy định là phù hợp.

Đối với đất thổ cư: Thửa số 71, tờ bản đồ số 16 của hộ cụ Vụ, cụ Hợi các đương sự gồm bà Tin, bà K, bà X, bà C và anh E đề nghị tặng cho kỷ phần của mình cho ông V bằng hiện vật, ông V đề nghị nhận 1 kỷ phần được chia và 5 kỷ phần được tặng cho bằng hiện vật và xin được chia đất phía Tây thổ và nhất trí để

một lối đi rộng 3m phía Nam đất chia cho ông V, trừ vào phần đất ông V được chia để làm lối đi chung vào đất chia cho ông M, ông V.

Ông M nhất trí ý kiến của ông V, đề nghị nhận kỷ phần được chia và nhận sử dụng kỷ phần của ông A phía Đông thổ, giao cho ông M quản lý giá trị một kỷ phần đối với đất thổ cư của ông A được hưởng. Do đó, chia đất thổ cư của hộ cụ Vụ thành 3 phần: phần thứ nhất chia cho ông M phần đất phía Đông thổ (tương đương 2 kỷ phần), phần thứ hai chia cho ông V phần đất phía Tây thổ (6 kỷ phần thừa kế sau khi trừ lối đi chung); phần thứ ba là phần đất lối đi chung (rộng 3m) của ông V và ông M vị trí phía Nam phần đất chia cho ông V. Đối với đất ruộng nông nghiệp: Chia cho ông M được quyền sử dụng thửa ruộng số 58/3 diện tích 78m^2; chia cho anh D được quyền sử dụng thửa ruộng số 2/1 diện tích 625m^2 (do các đồng thừa kế gồm ông V, bà Tin, bà K, bà X, bà C, anh E đều tặng cho kỷ phần đối với đất ruộng cho anh D), giao anh D sử dụng kỷ phần đất ruộng của ông A, anh D có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần đất ruộng cho cho ông M quản lý thay cho ông A theo quy định. Về chênh lệch tài sản thừa kế kỷ phần chia đất ruộng nông nghiệp, ông M không yêu cầu nên không giải quyết. Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại A tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại A tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tin, Nguyễn Thị K, Lê Thị X, Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E vắng mặt đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn D; ông Nguyễn Văn A bỏ đi biệt tích không có tin tức, địa chỉ, Tòa án đã thông báo nhắn tin đối với ông A nhưng ông A hai lần không có mặt tại A tòa. Do đó, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Vụ và Nguyễn Thị Hợi (Nguyễn Thị Vụ):

Đối với khối tài sản gồm: Quyền sử dụng 1.445 m^2 đất (ONT 190m^2, CLN 895m^2, NTS 360m^2) tại thửa số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ ngày 25-12-1996 trị giá 867.000.000đ (giá đất 600.000đ/1m^2); quyền sử dụng 625 m^2 đất ruộng tại thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17 và 78m^2 đất ruộng tại thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11 đều thuộc xã Hải P đã được cấp tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ (theo phiếu thửa và danh sách diện tích đất 2 lúa sau dồn điền đổi thửa do Ủy ban nhân dân xã Hải P cung cấp) nhưng sau dồn điền đổi thửa chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trị giá 38.665.000đ (giá đất ruộng

55.000đ/1m^2), các đương sự đều kê khai thống nhất về nguồn gốc tài sản là của cụ Nguyễn Văn Vụ, Nguyễn Thị Hợi để lại.

Nên xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Vụ và Nguyễn Thị Hợi để lại là toàn bộ khối tài sản trên có tổng trị giá 905.665.000đ.

[3] Về thời điểm mở thừa kế:

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Vụ chết ngày 09-8-2005, thời điểm mở thừa kế của cụ Vụ là ngày 09-8-2005; cụ Nguyễn Thị Hợi (Nguyễn Thị Vụ) chết ngày 23-4-2006, thời điểm mở thừa kế của cụ Hợi là ngày 23-4-2006.

[4] Về diện và hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn Vụ chết năm 2005, cụ Nguyễn Thị Hợi chết năm 2006. Trước khi chết, cụ Hợi không để lại di chúc, quá trình giải quyết vụ án, ông M có xuất trình một giấy nhường quyền thừa kế ngày 27-3-2005 của cụ Vụ và xác định là di chúc của cụ Vụ để lại, tuy nhiên đến nay ông M và các đương sự khác đều không yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cụ Vụ để lại và đề nghị chia thừa kế của cụ Vụ, cụ Hợi theo pháp luật. Do đó, di sản thừa kế của cụ Vụ, cụ Hợi để lại chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vụ, cụ Hợi gồm: Bà Tin, ông V, ông M, bà K, ông Thư, ông A, bà X và bà C. Do đó, diện và hàng thừa kế của 2 cụ gồm có 8 kỷ phần, chia đều cho 8 người con. Ông Thư chết năm 1997, chết trước cụ Vụ, cụ Hợi nên kỷ phần thừa kế của ông Thư được chia cho anh E (con duy nhất) là thừa kế thế vị của ông Thư. Đối với kỷ phần thừa kế của ông A, do hiện nay ông A đang biệt tích, không có mặt tại địa phương nên chia thừa kế cho ông A bằng giá trị và tạm giao giá trị kỷ phần của ông A được hưởng cho đồng thừa kế khác quản lý là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "*…Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận thì Tòa án tạm giao cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý…*".

[5] Về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất:

[5.1] Đối với diện tích 1.445m^2 đất thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P của hộ cụ Nguyễn Văn Vụ:

Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P của hộ cụ Vụ có diện tích 1.445m^2 được chia làm 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 180,625m^2 trị giá 108.375.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tin, bà K, bà X, bà C và anh E đều đề nghị tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông V. Ông V đề nghị nhận kỷ phần được chia và 5 kỷ phần được tặng cho bằng hiện vật và chia vị trí phía Tây thổ tương đương 1.084m^2 (số liệu được làm tròn). Ông M đề nghị nhận kỷ phần được chia và nhận sử dụng kỷ phần của ông A bằng hiện vật vị trí phía Đông thổ tương đương 361m^2 (số liệu được làm tròn), ông M có trách nhiệm thanh toán giá trị một kỷ phần đất thổ cư cho ông A

là 108.375.000đ, do ông A đang biệt tích nên tạm giao ông M quản lý giá trị một kỷ phần cho ông A là 108.375.000đ. Do phần đất phía Đông thổ chia cho ông M không có lối đi nên ông V tự nguyện để ra một phần đất rộng 3m trong phần đất ông V được chia (vị trí phía Nam) làm lối đi chung vào phần đất chia cho ông V, ông M, qua đo đạc xác định phần đất lối đi chung có diện tích 92m^2. Do đó, phần đất chia cho ông V còn lại sau khi trừ phần đất mở lối đi chung là 992m^2.

Xét nguyện vọng chia tài sản bằng hiện vật của ông V, ông M và việc ông V để ra một phần đất trong phần ông được hưởng để làm lối đi chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, chia diện tích 1.445m^2 đất thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 16 thành 3 phần đất như sau: Phần thứ nhất chia ông M được quyền sử dụng phần đất phía Đông thổ diện tích 361m^2 trị giá 216.000.000đ, trong đó tạm giao ông M quản lý giá trị một kỷ phần thừa kế cho ông A là 108.375.000đ; phần thứ hai chia cho ông V được quyền sử dụng phần đất phía Tây thổ diện tích 992m^2 trị giá 595.200.000đ; phần thứ ba là phần đất lối đi chung đi vào phần đất chia ông V, ông M có diện tích 92m^2.

[5.2] *Đối với diện tích 625m^2 đất ruộng tại thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17 và 78m^2 đất ruộng tại thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11 đều thuộc xã Hải P của hộ cụ Nguyễn Văn Vụ:*

Hai thửa ruộng nông nghiệp của hộ cụ Vụ gồm thửa số số 2/1, tờ bản đồ số 17 và thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11 có tổng diện tích 703m^2 chia thành 8 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 87,875m^2 trị giá 4.833.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự gồm: Ông V, bà Tin, bà K, bà X, bà C, anh E đều đề nghị tặng cho kỷ phần thừa kế cho anh D là con trai bà Tin, như vậy anh D được hưởng 6 kỷ phần tương đương 527m^2 đất trị giá 28.985.000đ. Ông M nhất trí nhận kỷ phần được chia bằng hiện vật tại vị trí thửa ruộng số 58/3, tờ bản đồ số 11 diện tích 78m^2 (thiếu 9,875m^2 so với kỷ phần được chia) do giáp cạnh thửa ruộng của gia đình ông đang sử dụng là phù hợp. Các đương sự thống nhất đề nghị giao kỷ phần đất ruộng của ông A cho anh D sử dụng, anh D có trách nhiệm thanh toán giá trị một kỷ phần của ông A là 4.833.000đ và tạm giao cho ông V quản lý là phù hợp quy định. Do đó, anh D được chia 7 kỷ phần tương đương 615,125m^2. Do hộ cụ Vụ có hai thửa ruộng, thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11 diện tích 78m^2 đã chia cho ông M sử dụng nên chia cho anh D sử dụng thửa ruộng số 2/1, tờ bản đồ số 17 diện tích 625 m^2 (tăng 9,875m^2 so với kỷ phần được chia) là phù hợp. Về phần chênh lệch chia tài sản đất ruộng, ông M không yêu cầu anh D thanh toán giá trị. Về công vượt lập đất ruộng của ông M tại thửa số 2/1 tờ bản đồ số 17, anh D và ông M đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đối với các cây cối và các tài sản khác của ông M hiện có trên đất thổ

cư và thửa ruộng số 2/1 thì ông M có trách nhiệm chuyển đi để bàn giao mặt bằng cho anh D sử dụng.

[6] *Về chi phí tố tụng:* Ông Nguyễn Quang V nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc đất và định giá tài sản. Xác nhận ông V đã nộp đủ chi phí tố tụng và không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* Ông Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Tin, Nguyễn Thị K, Lê Thị X thuộc đối tượng người cao tuổi, đã có đơn xin M án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản của mình được chia. Đối với ông Nguyễn Văn A tuy không có đơn xin M án phí nhưng do ông A hiện đang biệt tích, thuộc đối tượng người cao tuổi nên xét M án phí cho ông A là phù hợp.

Ông Nguyễn Quang V nhận nộp án phí đối với phần tài sản được hưởng do bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E tặng cho đối với kỷ phần đất thổ cư.

Anh Nguyễn Văn D nhận nộp án phí phần tài sản được hưởng do bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E tặng cho đối với kỷ phần đất ruộng.

[8] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 184, 185, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Vụ và Nguyễn Thị Hợi (Nguyễn Thị Vụ) để lại.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Vụ và Nguyễn Thị Hợi là: Quyền sử dụng 1.445 m^2 đất (ONT 190m^2, CLN 895m^2, NTS 360m^2) tại thửa số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri I 995923 ngày 25-12-1996 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ; quyền sử dụng 625 m^2 đất ruộng tại thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17 và 78m^2 đất ruộng tại thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11 đều thuộc xã Hải P đã được cấp tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ, sau dồn điền đổi thửa chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng trị giá 905.665.000đ (C trăm linh năm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tin, bà Nguyễn Thị K, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E tặng cho kỷ phần thừa kế đối với đất thổ cư của mình được hưởng cho ông Nguyễn Văn V; ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tin, ông Nguyễn Quang V, bà Nguyễn Thị K, bà Lê Thị X, bà

Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E tặng cho kỷ phần thừa kế đối với đất ruộng của mình được hưởng cho anh Nguyễn Văn D; ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quang V để ra một phần đất trong phần tài sản được hưởng làm lối đi chung vào phần đất chia cho ông V, ông M.

4. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn Vụ và Nguyễn Thị Hợi:

4.1. Đối với diện tích 1.445 m^2 đất (ONT 190m^2, CLN 895m^2, NTS 360m^2) tại thửa số 71, tờ bản đồ số 16 xã Hải P đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri I 995923 ngày 25-12-1996 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ:

- Chia ông Nguyễn Quang V được quyền sử dụng diện tích đất 992m^2, (ONT 142 m^2, CLN 580 m^2, NTS 270 m^2) trị giá 595.200.000đ (năm trăm C mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), có tứ cận như sau: Phía Đông giáp phần đất chia ông M 34,7m; phía Tây giáp thửa số 69 là 30m; phía Nam giáp lối đi chung 30,8m; phía Bắc giáp thửa số 70 và 72 là 30,8m.

- Chia ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng diện tích đất 361m^2, (ONT 48 m^2, CLN 223 m^2, NTS 90 m^2) trị giá 216.600.000đ (hai trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), có tứ cận như sau: Phía Đông giáp mương 39,2m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông V 34,7m; phía Nam giáp ruộng 9,3m; phía Bắc giáp thửa số 72 là 9,5m. Nhưng ông M phải có trách nhiệm thanh toán cho ông A số tiền 108.375.000đ (một trăm linh tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) giá trị kỷ phần thừa kế của ông A. Nhưng hiện nay ông A không có mặt tại địa phương nên giao ông Nguyễn Văn M được quản lý số tiền 108.375.000đ này, khi nào ông A trở về hoặc có yêu cầu liên quan đến kỷ phần thừa kế của ông A thì ông M có trách nhiệm bàn giao lại cho ông A hoặc người có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Công nhận phần đất diện tích 92m^2 (CLN) là lối đi chung vào phần đất chia cho ông V và ông M, có tứ cận: Phía Đông giáp đất chia ông M 3m; phía Tây giáp ngõ đi 3m; phía Nam giáp ruộng 30,8m; phía Bắc giáp phần đất chia ông V 30,8m.

(Vị trí chiều cạnh các phần đất được chia trên có sơ đồ vẽ kèm theo)

4.2. Đối với đất ruộng nông nghiệp:

- Chia cho ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng diện tích 78m^2 đất ruộng tại thửa số 58/3, tờ bản đồ số 11 xã Hải P đã được cấp tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ, sau dồn điền đổi thửa chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có trị giá 4.290.000đ (bốn triệu hai trăm C mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn D được quyền sử dụng diện tích 625 m^2 đất ruộng tại thửa số 2/1, tờ bản đồ số 17 xã Hải P đã được cấp tên hộ ông Nguyễn Văn Vụ, sau dồn điền đổi thửa chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có trị giá

34.375.000đ (ba mươi tư triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường 55m; cạnh phía Nam giáp thửa số 2/2 là 55m; cạnh phía Đông giáp đường 11,2m; cạnh phía Tây giáp đường 11,57m. Anh D có trách nhiệm thanh toán cho ông A số tiền 4.833.000đ (bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) giá trị một kỷ phần đất ruộng của ông A, tạm giao cho ông V quản lý số tiền này cho ông A. Do đó, anh D phải có trách nhiệm giao cho ông V số tiền 4.833.000đ (bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) để ông V quản lý, khi nào ông A trở về hoặc có yêu cầu liên quan đến kỷ phần thừa kế của ông A thì ông V có trách nhiệm bàn giao lại cho ông A hoặc người có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, M, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

- M án phí cho ông Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Tin, Nguyễn Thị K, Lê Thị X, ông Nguyễn Văn A do thuộc đối tượng người cao tuổi.

- Ông Nguyễn Quang V nhận nộp án phí phần tài sản được hưởng thừa kế do bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E tặng cho đối với kỷ phần đất thổ cư: Ông V phải nộp 9.920.000đ (C triệu C trăm hai mươi nghìn đồng) án phí chia thừa kế.

- Anh Nguyễn Văn D nhận nộp án phí phần tài sản được hưởng thừa kế do bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn E tặng cho đối với kỷ phần đất ruộng là 483.300đ (bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA A TÒA

Nguyễn Thị Hằng